

Số: **375** /LĐTĐBXH-TE  
V/v hướng dẫn thực hiện  
công tác trẻ em năm 2021

*Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2021*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Năm 2021 là năm đầu tiên triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, thực hiện Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và các kế hoạch 5 năm trên các lĩnh vực theo các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, trong đó có Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030. Công tác bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, phát triển toàn diện trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em bên cạnh những thời cơ, thuận lợi cũng còn nhiều thách thức, trong đó có tác động của đại dịch COVID-19 và thiên tai, biến đổi khí hậu. Tình hình bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, trẻ em bị đuối nước và tai nạn giao thông, trẻ em lao động trái quy định của pháp luật vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ gia tăng, diễn biến phức tạp cần phải tăng cường trách nhiệm và thực hiện các giải pháp đồng bộ, quyết liệt hơn để bảo vệ trẻ em.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện công tác trẻ em năm 2021 như sau:

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch của các ngành, địa phương để triển khai thực hiện nội dung về chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Luật trẻ em, Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em, Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021- 2030 và các chương trình, đề án về trẻ em giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền, cơ quan, đơn vị trong việc chỉ đạo, quản lý và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em, vụ việc vi phạm quyền trẻ em. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị xâm hại, tai nạn thương tích.

3. Bảo đảm cơ cấu tổ chức quản lý nhà nước về trẻ em và nhân lực thực hiện công tác trẻ em tại địa phương. Ưu tiên bố trí công việc hợp lý, có chính sách hỗ trợ người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã và phát triển mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại cộng đồng dân cư để thực hiện công tác bảo vệ trẻ em theo quy định của Luật trẻ em. Bảo đảm có đội ngũ làm công tác xã hội bảo vệ trẻ em trong đơn vị cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, bảo trợ xã hội công

lập. Nâng cao năng lực quản lý, cung cấp dịch vụ, kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em các cấp.

4. Bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp của chương trình, kế hoạch hành động vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em của địa phương. Đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện các mô hình, giải pháp do nguồn ngân sách trung ương và viện trợ quốc tế hỗ trợ. Vận động và sử dụng hiệu quả, minh bạch nguồn lực từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước cho trẻ em, đặc biệt để hỗ trợ cải thiện tình trạng sức khỏe, dinh dưỡng và hỗ trợ đồ ấm cho trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Ưu tiên bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao cho trẻ em.

5. Đầu tư xây dựng, củng cố, phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em. Duy trì, phát triển, nhân rộng các mô hình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em: chăm sóc phát triển toàn diện trẻ em; phòng, chống xâm hại trẻ em; phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, đặc biệt tai nạn đuối nước và tai nạn giao thông; phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật, đặc biệt trong khu vực kinh tế phi chính thức; hỗ trợ trẻ em khuyết tật; thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em. Khuyến khích, biểu dương, nhân rộng những mô hình, điển hình, những sáng kiến tốt trong bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và đóng góp nguồn lực cho trẻ em.

6. Tăng cường truyền thông, giáo dục kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em, đặc biệt về chăm sóc, phát triển toàn diện trẻ em; bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, bóc lột trẻ em; phòng ngừa tai nạn, thương tích trẻ em; thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em. Đa dạng sản phẩm và các hình thức truyền thông, giáo dục vận động xã hội để phù hợp với các nhóm đối tượng, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: tư vấn, hướng dẫn cha mẹ, người chăm sóc trẻ em, gia đình và truyền thông trực tiếp đến gia đình, cơ sở giáo dục, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em và cộng đồng dân cư; thông tin, truyền thông đại chúng; truyền thông trên môi trường mạng. Truyền thông, quảng bá về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111); hướng dẫn việc phát hiện, thông báo, tố giác hành vi, trường hợp, nguy cơ trẻ em bị xâm hại đến Tổng đài 111 và các cơ quan có thẩm quyền.

7. Thường xuyên theo dõi, thanh tra, kiểm tra liên ngành và chuyên đề việc thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em, đặc biệt việc triển khai Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Xác định trách nhiệm của các ngành, các cấp, của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện quyền trẻ em, các mục tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em. Kiểm tra, rà soát các biện pháp bảo đảm môi trường sống an toàn, phòng ngừa bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục trẻ em và tai nạn thương tích, đặc biệt đuối nước trẻ em.

8. Đẩy mạnh hoạt động phối hợp liên ngành thực hiện công tác trẻ em, giữa các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước và cơ quan tư pháp trong phòng ngừa, phát hiện, hỗ trợ, can thiệp các vụ việc xâm hại và gây tổn hại khác cho trẻ em.

9. Tổ chức Tháng hành động vì trẻ em, Diễn đàn trẻ em các cấp, Tết Trung thu năm 2021 với chủ đề “Chung tay bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em trong thiên tai, dịch bệnh”. Tăng cường truyền thông, thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó để bảo vệ trẻ em kịp thời trong bối cảnh đại dịch COVID - 19 luôn có nguy cơ bùng phát.

10. Phối hợp chỉ đạo việc thực hiện trách nhiệm giám sát, phản biện xã hội của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên về thực hiện quyền trẻ em, đặc biệt về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em. Thực hiện và nhân rộng phong trào “Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em” gắn với cuộc vận động “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đến từng địa bàn dân cư. Gắn kết tiêu chí về thực hiện quyền trẻ em, lồng ghép và triển khai thực hiện các chỉ tiêu về trẻ em, tiêu chuẩn đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em<sup>1</sup> với đánh giá nông thôn mới, đô thị văn minh.

11. Duy trì, phát triển cơ sở dữ liệu về trẻ em. Thu thập thông tin, thống kê về tình hình trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị tai nạn thương tích. Tổng hợp chỉ số thực hiện quyền trẻ em tại địa phương để bảo đảm đánh giá, xếp hạng địa phương về thực hiện quyền trẻ em chính xác, khách quan. Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về công tác trẻ em giữa các cấp quản lý và chế độ báo cáo được giao tại các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em. Cập nhật, nâng cấp công nghệ thông tin để bảo đảm thông suốt hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em ở trung ương và địa phương, liên thông cơ sở dữ liệu trẻ em với các hệ thống dữ liệu có liên quan. Giao hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội định kỳ báo cáo kết quả công tác trẻ em 6 tháng trước ngày 25/5 và tổng kết năm trước ngày 20/11 năm 2021 cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (thông qua Cục Trẻ em) theo hướng dẫn, biểu mẫu kèm theo Công văn này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ủy ban VHGD TNTNNĐ của Quốc hội;
- Ủy ban về CVĐXH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- TW Đoàn TNCSHCM;
- TW Hội LHPNVN;
- Hội BVQTEVN;
- Vụ KHTC, Văn phòng Bộ, Quỹ BTTEVN;
- TT Thông tin; các báo, tạp chí thuộc Bộ;
- Sở LĐTBXH 63 tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, TE (07).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Hà**

<sup>1</sup> Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

**Phụ lục 1**

(Kèm theo Công văn số 375 /LĐTBXH-TE ngày 23 /02/2021  
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

MẪU BÁO CÁO (6 tháng và 1 năm)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP...  
**SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 2021

Số:.....

**BÁO CÁO**

**Kết quả công tác trẻ em 6 tháng/năm 2021  
và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021/năm 2022**

**I. Đặc điểm tình hình**

1. Tình hình kinh tế - xã hội tác động đến trẻ em, tình hình trẻ em và công tác trẻ em tại địa phương.

2. Những vấn đề về trẻ em và công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết.

**II. Kết quả thực hiện**

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, giám sát, đánh giá thực hiện quyền trẻ em
2. Công tác bảo vệ trẻ em (ở 3 cấp độ)
3. Công tác chăm sóc trẻ em
4. Công tác giáo dục trẻ em
5. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em
6. Thực hiện quyền tham gia của trẻ em
7. Kết quả các dự án, chương trình, mô hình hợp tác quốc tế hoặc vận động xã hội

8. Hoạt động của Quỹ bảo trợ trẻ em

9. Kinh phí đầu tư cho công tác trẻ em

(Phần số liệu theo phụ lục 1, 2, 3)

**III. Đánh giá kết quả đạt được**

1. So sánh kết quả, hiệu quả so với cùng kỳ năm 2020
2. Những tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành, tác động khách quan,...)

**IV. Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2021 hoặc năm 2022**

1. Mục tiêu chung
2. Các mục tiêu cụ thể
3. Các chỉ tiêu cần đạt
4. Nội dung các chương trình, đề án, hoạt động trọng tâm và các mô hình tiếp tục thực hiện
5. Dự kiến tổng kinh phí hoạt động.

Nơi nhận:

-  
-

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 2**

(Kèm theo Công văn số: 375 /LĐTBXH-TE ngày 23/02/2021  
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM**

Tỉnh/thành phố:.....

Mẫu số 01/TE

Kỳ báo cáo: 2 lần/năm

Ngày báo cáo: 25/5 và 20/11

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2021
<b>I</b>	<b>Dân số trẻ em</b>		
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%	
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	Người	
	Trong đó:		
	Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế	Người	
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%	
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em</b>		
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	
1.1	Ngân sách Trung ương (thông qua các Chương trình, Đề án, ...)	Triệu đồng	
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	
	- Sở LĐTBXH (nguồn triển khai thông qua Sở LĐTBXH; bao gồm cả nguồn thực hiện chính sách bảo trợ xã hội cho trẻ em; cấp cho hoạt động của Quỹ BTTE cấp tỉnh).	Triệu đồng	
	+ Trong đó: Ngân sách địa phương bố trí cho các Chương trình, Kế hoạch, Đề án của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thông qua Sở LĐTBXH.	Triệu đồng	
	- Thành phố, quận, huyện, thị xã (nguồn triển khai tại cấp huyện, không tính nguồn do cấp tỉnh phân bổ về cho cấp huyện).	Triệu đồng	
	- Xã, phường, thị trấn (nguồn triển khai tại cấp xã, không tính nguồn do cấp tỉnh, huyện phân bổ cho cấp xã)	Triệu đồng	
2	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	
2.1	Vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em địa phương (các cấp) (bao gồm kinh phí vận động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước)	Triệu đồng	
2.2	Nguồn từ các tổ chức quốc tế	Triệu đồng	
<b>III</b>	<b>Số người làm công tác trẻ em các cấp</b>		
1	Cấp tỉnh	Người	
2	Cấp huyện	Người	
	Trong đó:	Người	
2.1	Chuyên trách	Người	
2.2	Kiên nhiệm	Người	
3	Cấp xã	Người	
	Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã	Người	
4	Cộng tác viên tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm	Người	
<b>IV</b>	<b>Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em</b>		

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu, mục tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2021</b>
1	Số lớp và số cán bộ cấp tỉnh/huyện được tập huấn về công tác trẻ em (quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án,... về trẻ em ở địa phương)		
1.1	Số lớp	Lớp	
1.2	Số lượt người	Lượt	
2	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên làm công tác trẻ em tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		
2.1	Số lớp	Lớp	
2.2	Số lượt người	Lượt	
3	Số lớp, số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
3.1	Số lớp	Lớp	
3.2	Số lượt trẻ em	Lượt	
4	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	
<b>V</b>	<b>Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội</b>		
1	Số lượt người được truyền thông trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt	
2	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương		
	Trong đó:		
2.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	CT	
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Đầu CT, CM	
3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/ sự kiện	
<b>VI</b>	<b>Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em</b>		
1	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em	Xã/phường/thị trấn	
2	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em	%	
<b>VII</b>	<b>Tháng hành động vì trẻ em</b>		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn giảm phí	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp tỉnh, huyện, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
<b>VIII</b>	<b>Diễn đàn trẻ em các cấp</b>		
1	Số diễn đàn trẻ em các cấp (tỉnh, huyện, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	
<b>IX</b>	<b>Tết Trung thu cho trẻ em</b>		
1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu (tỉnh, huyện, xã)	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt	

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu, mục tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2021</b>
3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp tỉnh, huyện, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	

..... ngày..... tháng..... năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Lãnh đạo phê duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

### Phụ lục 3

(Kèm theo Công văn số: 375 /LĐTBOXH-TE ngày 23/02/2021  
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

## THỐNG KÊ VỀ HỆ THỐNG BẢO VỆ TRẺ EM

Tỉnh/thành phố:.....

Mẫu số 02/TE  
Kỳ báo cáo: 2 lần/năm  
Ngày báo cáo: 25/5 và 20/11

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2021
<b>I</b>	<b>Cấu trúc, tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em</b>		
1	Tỉnh/thành phố đã có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp tỉnh	Có/không	
2	Tỉnh/thành phố đã có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp tỉnh	Có/không	
3	Tỉnh/thành phố có quyết định thành lập/hoạt động của Trung tâm công tác xã hội trẻ em cấp tỉnh	Có/không	
4	Số quận, huyện, thị xã, thành phố có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Huyện	
5	Số quận, huyện, thị xã, thành phố có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Huyện	
6	Số xã, phường, thị trấn có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban bảo vệ trẻ em, Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	
7	Số xã, phường, thị trấn có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	
8	Số xã, phường, thị trấn có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn/ xóm/bản/làng/cụm dân cư	Xã	
<b>II</b>	<b>Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em</b>		
1	Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp tỉnh		
1.1	<i>Cơ sở công lập (bao gồm cả các cơ sở trợ giúp xã hội có trẻ em):</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	+ Số cán bộ quản lý điều hành, hỗ trợ, phục vụ	Người	
	+ Số cán bộ trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ của cơ sở	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý.	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được nuôi dưỡng, được hưởng các chính sách hỗ trợ xã hội hàng tháng.		
	- Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ quản lý theo dõi (có danh sách/kế hoạch hỗ trợ can thiệp)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
1.2	<i>Cơ sở ngoài công lập:</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	+ Số cán bộ quản lý điều hành, hỗ trợ, phục vụ	Người	



<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu, mục tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2021</b>
	+ Số cán bộ trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ của cơ sở	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý.	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được nuôi dưỡng, được hưởng các chính sách hỗ trợ xã hội hàng tháng.		
	- Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ quản lý theo dõi (có danh sách/kế hoạch hỗ trợ can thiệp)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
2	Tổ chức tập huấn/bồi dưỡng kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ (công lập và ngoài công lập)		
	- Số lớp tập huấn/bồi dưỡng	Lớp	
	- Số cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ được tập huấn/bồi dưỡng (công lập và ngoài công lập).	Người	
3	Số quận, huyện, thị xã, thành phố có Trung tâm công tác xã hội hoặc có văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện	Huyện	
4	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm	
5	Số điểm tư vấn trường học	Điểm	

..... ngày..... tháng..... năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Lãnh đạo phê duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



















TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
1	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo								
2	Trẻ em bị tai nạn thương tích								
	- Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích								
	+ Trong đó: số trẻ em tử vong do đuối nước								

..... ngày..... tháng..... năm.....

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Lãnh đạo phê duyệt**

(Ký, ghi rõ họ tên)